

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

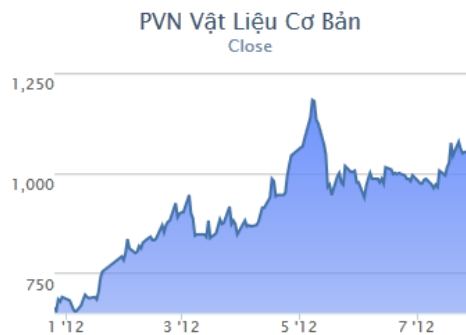


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	805.09	↑17.94	↑ 2.28
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	690.75	↑ 7.14	↑ 1.04
PVN ALLSHARE	672.97	↑ 7.28	↑ 1.09
PVN ALLSHARE HNX	580.72	↑20.35	↑ 3.63
PVN ALLSHARE HSX	722.75	↑ 5.06	↑ 0.71
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1086.96	↑23.19	↑ 2.18
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	859.15	↑14.08	↑ 1.67
PVN Tài Chính	610.02	↑16.31	↑ 2.75
PVN Công Nghiệp	487.32	↑22.56	↑ 4.85
PVN Dầu Khí	639.59	↑ 2.75	↑ 0.43
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	751.76	↓13.26	↓ -1.73

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Công Nghiệp

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Dầu Khí

• PVN Tài Chính

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	423.20 ↑	5.00	1.20%
KLGD (triệu ck)	44.57 ↑	20.39	84.35%
GTGD (tỷ đồng)	661.72 ↑	277.28	72.13%
Tổng cung (triệu ck)	119.62 ↑	13.37	12.59%
Tổng cầu (triệu ck)	155.95 ↑	31.90	25.72%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.70 ↓	-0.51	-23.03%
KL bán (triệu ck)	1.58 ↑	0.76	92.28%
Giá trị mua (tỷ đồng)	45.93 ↓	-27.17	-37.17%
Giá trị bán (tỷ đồng)	45.51 ↑	19.29	73.59%

Nhận định thị trường:

Theo NHNN chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, tính đến nay tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh có lãi suất từ 15% trở xuống chiếm gần 70% trong tháng 6/2012 tổng dư nợ trên địa bàn được cơ cấu lại khoảng 10.000 - 12.000 tỷ đồng. NHNN thành phố cũng đã làm việc với từng NHTM trên địa bàn để đẩy nhanh tiến độ rà soát, điều chỉnh lãi suất các khoản vay cũ.

Trong tháng 7, quỹ VNM ETF đã giảm giá trị nắm giữ với giá trị trên 1 triệu USD tại các cổ phiếu VIC (2 triệu USD), VCB (1,1 triệu USD), BVH (1,8 triệu USD), VCG (1,25 triệu USD), PVX (1,2 triệu USD). Trong khi chỉ tăng lượng nắm giữ và giá trị đáng kể tại cổ phiếu DPM trên thị trường Việt Nam. Quỹ ETF do Deutsche Bank quản lý đã có tháng thứ 3 liên tiếp bị rút vốn, với giá trị hơn 11 triệu USD.

Phó Chủ tịch UBCK cho biết, nhằm thu hút nhà đầu tư, UBCK sẽ rút ngắn thời gian nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu từ T+3 xuống còn T+2 vào cuối năm nay, và giảm tiếp xuống còn T+1 trong năm tới. Ngoài ra, UBCK dự kiến biên độ giao dịch được nới rộng từ mức +5% như hiện tại trên HOSE và +7% trên HNX. Đồng thời cơ quan này cũng sẽ khởi động hệ thống đấu giá trực tuyến nhằm gia tăng khối lượng và giá trị giao dịch.

Giá dầu thô thế giới tiếp tục có chiều hướng tăng mạnh. Phiên cuối tuần qua đã tăng gần 5% sau khi thị trường đón nhận bản báo cáo việc làm tháng 7 của Mỹ lạc quan hơn kỳ vọng của giới phân tích. Giá dầu thô ngọt, nhẹ giao tháng 9 trên sàn giao dịch hàng hóa New York tăng tới 4,27 USD, tương ứng 4,9%, lên 91,40 USD/thùng. Đây là mức giá chốt cao nhất trong vòng 2 tuần qua của mặt hàng năng lượng này. Tính chung cả tuần, giá dầu thô thế giới đã tăng được gần 1,5%.

Mặc dù chỉ số hai sàn tăng mạnh nhưng thanh khoản thị trường lại có mức tăng không đáng kể. Diễn biến giao dịch trong phiên cũng cho thấy sự thiếu hụt dòng tiền tham gia thị trường. Về mặt kỹ thuật, một phiên tăng như hôm nay chưa đủ tích cực để thay đổi trạng thái dao động sideway của chỉ số hai sàn. VN-Index hiện có kháng cự tại 430 điểm, còn HNX-Index có kháng cự mạnh tại 72 điểm. NĐT vẫn nên có sự thận trọng ngay cả khi thị trường tiếp tục tăng điểm và chỉ số hai sàn tiến đến gần các ngưỡng này.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	70.45 ↑	1.54	2.23%
KLGD (triệu ck)	48.44 ↑	21.08	77.05%
GTGD (tỷ đồng)	695.80 ↑	304.57	77.85%
Tổng cung (triệu ck)	53.07 ↑	10.10	23.49%
Tổng cầu (triệu ck)	66.50 ↑	22.21	50.15%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.33 ↑	0.16	94.01%
KL bán (triệu ck)	0.64 ↓	-0.02	-2.78%
Giá trị mua (tỷ đồng)	4.42 ↑	2.23	101.62%
Giá trị bán (tỷ đồng)	9.82 ↑	1.45	17.36%



Đồ thị HNX-Index.

Về mặt kỹ thuật, HNX-Index chưa thay đổi được trạng thái dao động sideway hiện tại và sắp tới có thể sẽ test kháng cự 72 điểm. Thanh khoản yếu vẫn là một cản trở lớn cho diễn biến tăng điểm của chỉ số. HNX-Index chưa tạo thành một mô hình kỳ vọng nào, và hiện tại khả năng hoàn thiện mô hình cũng có 2 kịch bản có thể xảy ra:

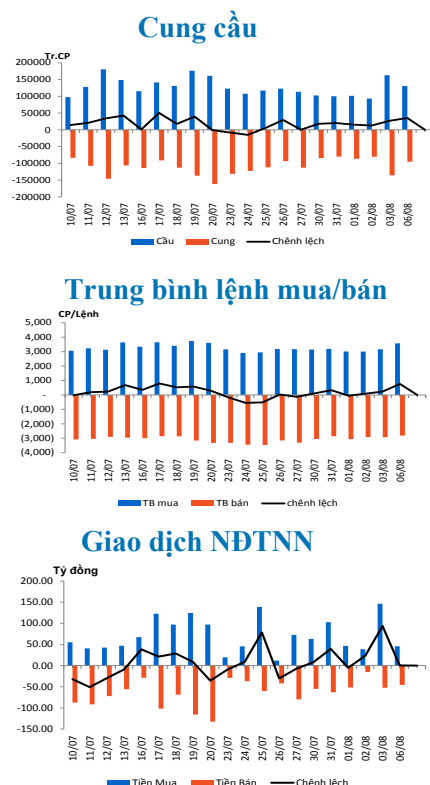
Kịch bản tích cực: Tăng mạnh, vượt qua 72 điểm, KLGD khớp lệnh tiếp tục tăng và đạt tối thiểu 60 triệu đơn vị/phần.

Với kịch bản này, HNX-index hình thành mô hình đảo chiều 2 đáy (dạng W) và sau khi dao động qua lại vùng 72 điểm, cơ hội để tăng điểm bứt phá của chỉ số sẽ rộng mở hơn nếu như dòng tiền tham gia thị trường cải thiện tích cực hoặc có thông tin tốt hỗ trợ cho thị trường.

Kịch bản 2: mô hình trung gian trước khi giảm tiếp một nhịp nữa.

Trong kịch bản này, như đồ thị ở trên, chúng ta có thể thấy rằng nếu trong những phiên tới HNX-Index đảo chiều giảm lại ở vùng 72 điểm hoặc thấp hơn kèm theo sự suy giảm của KLGD hoặc duy trì ở mức cạn kiệt thì khả năng một mô hình trung gian xu thế sẽ có xác suất cao để diễn ra, mà phổ biến là mô hình chữ nhật, lá cờ hoặc tam giác...

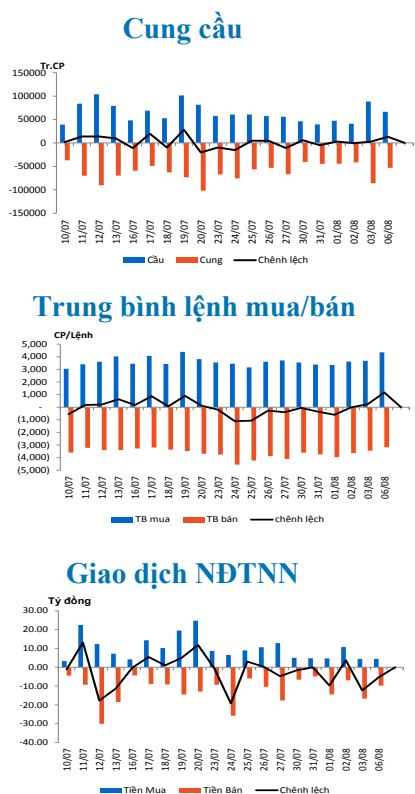
Ứng với mô hình này, HNX-index sẽ giảm tiếp một nhịp nữa, tối thiểu bằng chiều cao của mô hình và ứng khớp với hỗ trợ 65 điểm của HNX-Index. Ngay cả trong trường hợp tiếp tục tăng điểm trong phiên tới này, NĐT cũng vẫn nên cảnh giác với khả năng HNX không vượt được 72 điểm.

HSX:**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Các chỉ số mở cửa tăng nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần, tuy nhiên diễn biến giao dịch cho thấy nhà đầu tư vẫn còn rất thận trọng thể hiện qua hầu hết lệnh mua đều ở mức giá thấp. Dòng tiền nhỏ giọt vào thị trường. Tại HOSE, 15 phút khớp lệnh thứ nhất, lệnh mua lẫn lệnh bán ATO đều khá hiếm hoi. VN-Index tăng 1.08 điểm, tương ứng 0.26% đạt 419.29 điểm. Giao dịch HSX khá yếu, với khoảng 997,500 đơn vị chuyển nhượng.

Kết phiên sáng, Sàn HOSE, độ rộng của thị trường có phần co hẹp lại khi VN-Index tăng 4.87 điểm, tương ứng 1.16% đạt 423.08 điểm. Trước đó, chỉ số này từng bứt phá mạnh hơn 5 điểm áp sát mốc 525 điểm. Tổng kết buổi sáng, thị trường ghi nhận 183 mã tăng giá, với khoảng 56 mã tăng kịch trần. Giao dịch đạt khoảng 34.5 triệu đơn vị, tương đương 486 tỷ đồng.

Cuối phiên tại HOSE, thị trường tiếp tục tăng nhưng diễn biến giằng co giữ vai trò chủ đạo. Cuối phiên, dù số mã tăng giá chiếm áp đảo với 206 mã, trong đó chỉ có khoảng 64 mã tăng kịch trần. Còn lại có 41 mã giảm, gồm 9 mã giảm hết biên độ và 43 mã đứng yên. Lượng dư bán giá cao chiếm tỷ trọng lớn, trái lại dư mua giá thấp vẫn còn khá phổ biến. VN-Index vẫn tăng xấp xỉ 5 điểm, tương ứng 1.18% đạt 423.16 điểm. Giao dịch chưa bằng buổi sáng nhưng cả phiên vẫn đạt 44.6 triệu đơn vị, tương đương 662 tỷ đồng.

HNX:**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

15 phút đầu phiên, Sàn HNX cũng nhích từ từ qua khỏi mốc 69 điểm. Đến 9h20, chỉ số này tăng 0.32 điểm, tức 0.48% lên 69.24 điểm. Thanh khoản tăng khá với hơn 3.3 triệu đơn vị, tương đương 31.62 tỷ đồng. Những mã bluechips như ACB, KLS, PVX, VND, SCR, SHS... lần lượt tăng giá tạo nên sự hỗ trợ cho chỉ số lẫn tâm lý nhà đầu tư.

Thống kê hết buổi sáng, HNX có 171 mã tăng giá, với 49 mã tăng kịch trần, trong đó có một số mã thuộc họ chứng khoán như KLS, AVS, SHS, APS, ORS... Những mã khá dù không đạt mức giá trần nhưng cũng có biên độ khá mạnh như VND (+5.56%), PVX (+4.82%), SCR (+5.02%), BVS, HBB, VCG... Điều này giúp HNX-Index tăng 1.32 điểm, ứng với 1.92% lên 70.23 điểm. Giao dịch vượt xa vài phiên trước, đạt 33.26 triệu đơn vị, tương đương 328.41 tỷ đồng. Trong đó, KLS dẫn đầu với trên 4 triệu đơn vị.

Trên sàn HNX, xu hướng chung là tiếp tục tăng điểm. Dù cuối phiên chưa đến 200 mã tăng giá, nhưng với việc các mã chủ chốt như KLS, VND, PVX, APS, BVS, DCS đồng loạt tăng trần, các mã còn lại ghi nhận mức tăng khá mạnh nên HNX-Index tiếp tục nới rộng biên độ lên 1.54 điểm, tức 2.23% đạt 70.45 điểm. Giao dịch cũng bỏ xa HOSE khi đạt 48.56 triệu đơn vị, tương đương 696.49 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

www.psi.vn | research@psi.vn

Báo cáo của PSI có thể tìm thấy trên website của chúng tôi

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 1 cổ phiếu giảm giá là PVD, 1 cổ phiếu đứng giá là PPE và 26 mã tăng giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PFL (tăng 6,98%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 2,49% và tổng khối lượng giao dịch đạt 8,572 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 06/08:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,400.0	100	↑ 3.85	0.47	14.59	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,300.0	13,200	↑ 3.12	0.32	30.00	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	4,600.0	290,300	↑ 6.98	0.27	0.45	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	21,200.0	748,100	↑ 2.91	1.74	1.41	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	9,200.0	35,200	↑ 6.98	0.85	5.82	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,100.0	-	→ 0.00	0.47	2.82	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,100.0	86,100	↑ 2.00	0.50	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	15,000.0	204,948	↑ 3.45	0.89	2.24	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	10,900.0	12,250	↑ 1.87	1.91	4.98	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,000.0	275,400	↑ 3.77	0.71	7.91	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,600.0	90,200	↑ 0.61	0.71	8.38	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,400.0	3,600	↑ 5.88	0.52	2.54	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,600.0	517,915	↑ 4.00	1.32	4.17	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	8,800.0	3,424,570	↑ 6.02	0.39	3.31	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,400.0	307,250	↑ 0.25	3.18	12.63	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,500.0	547,520	↑ 2.18	2.24	6.06	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,400.0	14,510	↑ 0.76	1.21	3.21	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,200.0	28,070	↑ 1.41	0.62	5.26	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,200.0	71,710	↑ 1.67	0.70	3.00	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38,000.0	164,610	↑ 1.88	1.86	5.37	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,500.0	158,480	↑ 4.65	0.44	3.49	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	33,800.0	109,550	↓ -0.59	1.14	6.64	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,300.0	913,350	↑ 3.36	1.08	15.57	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,100.0	397,850	↑ 4.08	0.52	46.36	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,100.0	33,410	↑ 3.39	0.58	4.07	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4,800.0	60,440	↑ 2.13	0.43	2.50	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,800.0	56,920	↑ 2.86	0.82	3.24	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,600.0	7,030	↑ 1.82	0.51	3.68	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VNM	97,500	102,000	4.62	48,460,490
OGC	13,100	13,600	3.82	47,722,720
SSI	20,200	21,000	3.96	31,035,083
SAM	8,200	8,600	4.88	29,069,592
CSM	26,000	27,300	5.00	26,031,523

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SQC	62,500	63,000	0.80	276,006
KLS	9,700	10,300	6.19	52,749
VND	10,800	11,500	6.48	52,114
SCR	9,900	10,400	5.05	42,164
PVX	8,300	8,800	6.02	29,484

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SBS	4,000	4,200	200	5.00
CSM	26,000	27,300	1,300	5.00
DRC	26,200	27,500	1,300	4.96
ANV	8,100	8,500	400	4.94
VHC	34,500	36,200	1,700	4.93

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
V11	1,100	1,200	100	9.09
UNI	10,000	10,700	700	7.00
SGC	20,000	21,400	1,400	7.00
KHL	4,300	4,600	300	6.98
PFL	4,300	4,600	300	6.98

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,600	1,500	-100	-6.25
TDW	20,000	19,000	-1,000	-5.00
DHC	6,100	5,800	-300	-4.92
HHS	39,000	37,100	-1,900	-4.87
PDR	13,600	13,000	-600	-4.41

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SIC	8,800	8,200	-600	-6.82
VE3	5,900	5,500	-400	-6.78
TMC	10,500	9,800	-700	-6.67
SJC	9,000	8,400	-600	-6.67
CX8	4,800	4,500	-300	-6.25

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
GAS	10,540	BVH	7,257
VIC	9,773	DPM	4,055
MBB	6,500	VCB	3,791
DPM	5,168	VNM	3,557
HBC	1,991	PVD	3,261

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVI	1,429	PGS	3,609
PVS	972	PVI	1,435
DBC	320	AAA	1,028
PVL	263	VNR	871
VCG	216	SDT	615

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339